

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN K  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08-02-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lầy

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Đình Đô.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2020, về việc ly hôn tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị C, địa chỉ: Tổ K 6, phường N, quận K, thành phố H; (Có mặt).

*Bị đơn:* Anh Phạm Hồng T; địa chỉ: Tổ K, phường N, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2020, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Bùi Thị C trình bày:* Chị Bùi Thị C và anh Phạm Hồng T có làm thủ tục kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2013, tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố H. Trước khi kết hôn chị C và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố đẻ của anh T (Tổ K 6, phường N, quận K, thành phố H) được một thời gian thì vợ chồng thuê nhà trọ ở, đến tháng 9 năm 2020 vợ chồng thuê nhà trọ tại Đ 2, phường V, quận K, thành phố H. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau và xảy ra xô sát. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ

chồng vẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 11 năm 2020 chị C và anh T đã thuê nhà trọ ở riêng mỗi người một phòng, cùng đẩy nhà trọ và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và kéo dài, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Chị Bùi Thị C và anh Phạm Hồng T có 01 con chung là Phạm Hoàng M, sinh ngày 14/10/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Hoàng M, khi ly hôn chị C xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Hoàng M đến khi con trưởng thành. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản ghi lời khai ngày 17 tháng 12 năm 2020 anh Phạm Hồng T trình bày:* Anh T và chị C kết hôn ngày 18/7/2013 tại UBND phường N, quận K, thành phố H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Tổ K 6, phường N, quận K, thành phố H, đến tháng 9 năm 2020 vợ chồng thuê nhà trọ tại Đ 2, phường V, quận K, thành phố H. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, được một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau và xảy ra xô sát. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị C đã ra ngoài thuê nhà ở riêng, cùng đẩy nhà trọ của anh T tại Tổ Đ 2, phường V, quận K, thành phố H. Nay chị C xin ly hôn, anh T không đồng ý, anh T muốn chị C rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: Anh Phạm Hồng T và chị Bùi Thị C có 01 con chung là Phạm Hoàng M sinh ngày 14/10/2017. Nếu trường hợp ly hôn, anh T đồng ý để chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Hoàng M đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản ghi lời khai ngày 15 tháng 01 năm 2020 bà Đỗ Thị T là chủ nhà trọ trình bày:* Chị Bùi Thị C và anh Phạm Hồng T hiện tại đang trọ tại nhà bà Thương (Tổ Đ 2, phường V, quận K, thành phố H). Thời gian đầu chị C, anh T và con của chị Chi anh T ở chung một phòng; quá trình chung sống chị C và anh T xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 11/2020 anh T và chị C sống ly thân, anh T đã bỏ ra ở riêng, anh T thuê một phòng trọ khác cũng cùng dãy trọ của chị C; chị C và anh T ở riêng từ đó đến nay. Chị C và anh T có 01 con chung là Phạm Hoàng M, sinh ngày 14/10/2017, hiện cháu đang ở cùng với chị C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; đối với nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4

Điều 147, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị C ly hôn anh T. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Phạm Hoàng M, sinh ngày 14/10/2017 cho chị Bùi Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 17 tháng 11 năm 2020 chị Bùi Thị C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hồng T; bị đơn là anh Phạm Hồng T, trú tại quận K, thành phố H. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Phạm Hồng T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Phạm Hồng T.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Bùi Thị C và anh Phạm Hồng T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố H, ngày 18 tháng 7 năm 2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Bùi Thị C và anh Phạm Hồng T đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đã sống ly thân; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T để giải quyết việc chị C có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 17/12/2020 anh T cũng đã xác định vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và xảy ra xô sát, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Bùi Thị C được ly hôn anh Phạm Hồng T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị C và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Bùi Thị C và anh Phạm Hồng T có một con chung là Phạm Hoàng M, sinh ngày 14/10/2017. Từ khi chị C và anh T sống ly thân, chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, khi ly hôn chị C xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, đây cũng là nguyện vọng của anh T nên cần được chấp nhận, giao con chung là Phạm Hoàng M cho chị C được trực tiếp

nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn: Chị Bùi Thị C, anh Phạm Hồng T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị C, anh T có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Bùi Thị C phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị C và anh Phạm Hồng T.

- Về con chung: Chị Bùi Thị C và anh Phạm Hồng T có một con chung là Phạm Hoàng M, sinh ngày 14/10/2017. Giao cho chị Bùi Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Hoàng M đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Bùi Thị C, anh Phạm Hồng T có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Bùi Thị C phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015168 ngày 25/11/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H; chị Bùi Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Bùi Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Phạm Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDTP H;
- VKSNDTP H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường N, quận K, thành phố H
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lan Hương**



